

Bản án số: 112/2018/HS-ST
Ngày 30 - 7 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đào Hoàng Yên.

Bà Đặng Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2018 tại phòng xét xử, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2018/TLST-HS ngày 27/6/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2018/QĐXXST-HS ngày 06/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/HSST-QĐ ngày 23/7/2018 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Minh T, sinh ngày 21/4/1988, tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu B, thị trấn M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở: Số 35A, ngõ 4, đường L, phường T, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn. Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Trọng T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; vợ: Chu Ngọc T, sinh năm 1989; con: có một con sinh năm 2017. Tiền án: Tại Bản án số: 37/2009/HSST ngày 14/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt 08 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; đã chấp hành xong hình phạt chính ngày 06/9/2016 và án phí, phần bồi thường dân sự đã hết thời hiệu do bị hại không yêu cầu; chưa được xóa án tích. Tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 27/3/2018 đến nay. Có mặt.

2. Vi Trung A, sinh ngày 03 tháng 3 năm 1987 tại Lạng Sơn.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 75, ngõ 10B, đường S, phường T1, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông: Vi Văn L, sinh năm 1960 và bà Lục Thị M, sinh năm 1962; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 02/6/2018 đến nay. Có mặt.

3. Trần L (tên gọi khác Trần Đức L, Ku L), sinh ngày 11 tháng 11 năm 1991, tại Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ngõ 14, đường S, khối 9, phường T, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đức T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; có vợ: Hoàng Thanh H, sinh năm 1995; con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số: 95/2009/HSPT ngày 15/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích. Tại Quyết định số: 830/QĐ-UB ngày 25/8/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S đã áp dụng Biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, thời gian 24 tháng về hành vi cưỡng đoạt tài sản, đã chấp hành xong và được xóa; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 04/6/2018 đến nay. Có mặt.

4. Lê Tiên Q, sinh ngày 16 tháng 9 năm 1990, tại Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 23, ngõ 4B, đường V, phường T, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hữu V, sinh năm 1967 và bà Hải Thị P, sinh năm 1968; có vợ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2016.

Tiền án: Không. Tiền sự: Tại quyết định số: 214/QĐ-XPVPHC ngày 29/8/2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố S đã xử phạt vi phạm hành chính số tiền 10.000.000VNĐ về hành vi “Tàng trữ trái phép vũ khí thể thao”, đã chấp hành xong ngày 01/9/2017, chưa được xóa. Nhân thân: Tại Bản án số: 65/2011/HSPT ngày 01/3/2011 của Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội đã xử phạt 08 năm tù về tội “Giết người”, ngày 31/8/2013 được đặc xá, đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 27/3/2018 đến nay. Có mặt.

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; địa chỉ: Ngõ 14, đường S, khối 9, phường T, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Chị Triệu Thị H. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. Anh Nguyễn Đức D. Vắng mặt.
3. Chị Hoàng Ngọc L. Vắng mặt.
4. Anh Hoàng Tuấn V. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Minh T, Trần L, Vi Trung A và Lê Tiến Q cùng làm môi giới nhân viên nữ phục vụ tại các quán Karaoke trên địa bàn thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; trong số nhân viên của nhóm quản lý có chị Triệu Thị H, sinh năm 2001, trú tại thôn C, xã G, huyện N, tỉnh Thái Nguyên. Khoảng tháng 12/2017 chị Triệu Thị H có quen biết với anh Nguyễn Việt H trong khi làm ở quán Karaoke của người tên là T và H ở Thái Nguyên. Ngày 14/3/2018 anh Nguyễn Việt H cùng với bạn là anh Nguyễn Đức D, chị Hoàng Ngọc L và người tên H từ Thái Nguyên lên thành phố Lạng Sơn chơi; cả nhóm nghỉ tại phòng trọ của người tên T tại số 34B, đường T, phường L, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn. Nguyễn Việt H đã liên lạc và rủ Triệu Thị H về thành phố Thái Nguyên làm nhân viên quán hát; đến chiều ngày 17/3/2018 anh Nguyễn Việt H, Nguyễn Đức D và Hoàng Ngọc L gọi xe Taxi Biển kiểm soát 12A - 059.60 của anh Hoàng Tuấn V để đi về Thái Nguyên, lúc này Nguyễn Việt H tiếp tục gọi điện cho Triệu Thị H; do không muốn về Thái Nguyên vì công việc làm trước đó không thuận lợi nên Triệu Thị H đã gọi điện thông tin cho Đỗ Minh T biết về việc Nguyễn Việt H gọi, rủ về Thái Nguyên.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, sau khi nghe Đỗ Minh T thông báo lại về việc anh Nguyễn Việt H rủ chị Triệu Thị H về Thái Nguyên, Trần L đã mượn chiếc xe ô tô nhãn hiệu INNOVA, Biển kiểm soát 12A-061.20 của bạn là anh Phùng Văn C, trú tại số 36, đường N, phường T, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn (khi mượn chỉ nói là đi có việc). Trần L điều khiển xe đến đầu ngõ 18, đường T, phường K, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn đón Đỗ Minh T, Vi Trung A và Lê Tiến Q đi tìm Nguyễn Việt H và nhóm bạn với mục đích để ngăn cản và đe dọa vì đã làm ảnh hưởng đến công việc làm ăn, mất thu nhập của các bị cáo.

Sau khi được Triệu Thị H thông báo đặc điểm của chiếc xe Taxi chở nhóm Nguyễn Việt H, Trần L đã điều khiển xe ô tô bám theo đến đoạn đường K, thuộc khu L IV, phường T, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn thì ép xe Taxi phải đỗ lại; thấy vậy Nguyễn Việt H xuống xe bỏ chạy; lập tức Đỗ Minh T, Vi Trung A và Lê Tiến Q đã đuổi theo bắt giữ, đấm, đá và khống chế đưa Nguyễn Việt H lên xe ô tô. Sau đó Trần L điều khiển xe ô tô quay lại phòng trọ của T, để tìm nhóm đi cùng Nguyễn Việt H nhưng không gặp ai nên cả nhóm tiếp tục đưa Nguyễn Việt H lên khu G - V thuộc phường L, thành phố Lạng Sơn; tại đây Đỗ Minh T, Vi Trung A và Lê Tiến Q đã đấm đá, yêu cầu Nguyễn Việt H phải xin lỗi và rời khỏi thành phố S, một lúc sau các bị cáo đã đưa Nguyễn Việt H đến đường T để tự đi về, đến khoảng 17h00 cùng ngày, Nguyễn Việt H đã đến Công an tỉnh Lạng Sơn trình báo sự việc.

Tại bản Cáo trạng số 116/KSĐT ngày 26/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Đỗ Minh T, Vi Trung A, Trần L và Lê Tiến Q về tội “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Bị hại anh Nguyễn Việt H vắng mặt có lời

khai tại cơ quan điều tra, trình bày đúng nội dung sự việc như các bị cáo khai và có đơn đề ngày 28/3/2018 về việc từ chối giám định do thương tích nhẹ và xác nhận đã thỏa thuận, bồi thường thỏa đáng, không có yêu cầu nào khác. Người làm chứng chị Triệu Thị H khai, có quen anh Nguyễn Việt H tại Thái Nguyên từ trước, đến ngày 17/3/2018 biết anh Nguyễn Việt H có ý định gọi về Thái Nguyên làm cho chủ cũ nên chị có thông tin lại cho nhóm Đỗ Minh T rồi gọi xe Taxi đi cùng bạn tên là H đến gặp anh Nguyễn Việt H; khi đi đến đoạn đường Kt, khu L 4 thì chị thấy nhóm các bị cáo đuổi, đánh và bắt anh Nguyễn Việt H lên xe, rồi đi đâu không rõ. Những người làm chứng, gồm anh Nguyễn Đức D, chị Hoàng Ngọc L và anh Hoàng Tuấn V trình bày, khi ngồi trên xe chuẩn bị về Thái Nguyên thì Nguyễn Việt H có nói cần đón hai người nữa về cùng; một lúc sau thì mọi người cùng Triệu Thị H chứng kiến sự việc.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 đối với các bị cáo; riêng bị cáo Đỗ Minh T bị áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Minh T, Vi Trung A, Trần L và Lê Tiến Q phạm tội “Bắt người trái pháp luật”; xử phạt bị cáo Đỗ Minh T từ 08 đến 09 tháng tù, các bị cáo Vi Trung A, Trần L, Lê Tiến Q đều từ 07 đến 08 tháng tù. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe ô tô theo đúng quy định của pháp luật nên không đề cập xem xét.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc bồi thường thỏa đáng.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn. Lời nói sau cùng các bị cáo thể hiện thái độ ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của 04 bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời trình bày của bị hại, lời khai của người làm chứng; đồng thời hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án đã được kiểm chứng tại phiên tòa. Các bị cáo đã có

hành vi dùng vũ lực bắt người trái pháp luật diễn ra vào khoảng 16h00 ngày 17/3/2018 tại đường K, thuộc khu L IV, phường T, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn; nguyên nhân là do bị hại Nguyễn Việt H có ý định mời, gọi Triệu Thị H là người các bị cáo đang quản lý về Thái Nguyên làm nhân viên quán Karaoke dẫn đến ảnh hưởng lợi ích kinh tế (thực tế Nguyễn Việt H đã trực tiếp lên thành phố Lạng Sơn để gặp trực tiếp Triệu Thị H).

[3] Các bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, dùng vũ lực bắt người trái quy định của pháp luật và có hành vi xâm phạm sức khỏe nhưng chưa gây thương tích và bị hại có văn bản từ chối giám định nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với hành vi cố ý gây thương tích. Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của công dân được pháp luật bảo vệ. Đánh giá vai trò thực hiện tội phạm của các bị cáo, xác định đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, cả 04 bị cáo đều đóng vai trò thực hành, bột phát phạm tội theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015, trong đó Đỗ Minh T đóng vai trò tích cực nhất khi nhiều lần đánh, uy hiếp bị hại.

[4] Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đỗ Minh T, Vi Trung A, Trần L, Lê Tiến Q phạm tội “Bắt người trái pháp luật” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Để quyết định hình phạt ngoài việc xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo, cần phải xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[6] Về nhân thân, các bị cáo đều là người có nhân thân không tốt. Bị cáo Đỗ Minh T đã chấp hành xong bản án nhưng lại tiếp tục tái phạm; bị cáo Vi Trung A đã từng bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác; bị cáo Trần L đã chấp hành xong 01 bản án về tội mua bán trái phép chất ma túy và 01 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng; bị cáo Lê Tiến Q đã chấp hành xong 01 bản án về tội giết người đã được xóa án tích và 01 quyết định xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ vũ khí thể thao. Lý lịch tư pháp thể hiện các bị cáo đã chấp hành xong các Bản án, quyết định và đã đương nhiên được xóa nhưng vẫn tiếp tục phạm tội mới, thể hiện ý thức coi thường, bất chấp pháp luật.

[7] Ngoài ra tại Bản án số: 43/2018/HSST ngày 03/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn đã xử phạt các bị cáo Vi Trung A và Trần L 04 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” gây ra vào ngày 18/12/2017 (Bản án có hiệu lực pháp luật vào ngày 04/5/2018); trong thời gian được tại ngoại (bảo lãnh từ ngày 08/02/2018) chờ xét xử, hai bị cáo đã gây ra hành vi phạm tội trong vụ án này vào ngày 17/3/2018. Xem xét nguyên tắc có lợi cho các bị cáo, thấy rằng; tại thời điểm phạm tội trong vụ án này, hành vi của các bị cáo gây ra trước đó chưa bị xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

[8] Gia đình các bị cáo Trần L (ông nội là Trần Lê M có huy chương chống Pháp hạng nhì, huy chương chống Mỹ hạng nhất) và bị cáo Đỗ Minh T (bà nội Vy Thị L có huân chương, huy chương kháng chiến hạng nhì) là gia đình có công với cách mạng. Các bị cáo Đỗ Minh T, Lê Tiến Q là lao động chính trong gia đình, vợ chưa có việc làm, đang nuôi con nhỏ sinh năm 2016 - 2017.

[9] Về tình tiết tăng nặng: Lỗi phạm tội này của Đỗ Minh T thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[10] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[11] Trong thời gian các bị cáo bị tạm giam, gia đình đã giúp các bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại với tổng số tiền 20.000.000VNĐ, tại phiên tòa 04 bị cáo thống nhất thỏa thuận bồi thường và cam kết sẽ trả lại số tiền cho người thân trong gia đình, thể hiện ý thức chủ động bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; Hội đồng xét xử quyết định cho các bị cáo hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tuy nhiên mức độ xem xét giảm nhẹ có phần hạn chế.

[12] Đánh giá khách quan, toàn diện thấy rằng hành vi phạm tội của các bị cáo do bột phát, chỉ vì lợi ích kinh tế, tranh giành mỗi làm ăn, ý thức thực hiện hành vi chỉ nhằm đe dọa bị hại và chấm dứt ngay trong khoảng thời gian ngắn khoảng hơn một tiếng đồng hồ. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Bộ luật Hình sự năm 2015, mức cao nhất của khung hình phạt bị truy tố là đến 03 năm tù do vậy thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng. Tuy nhiên bị cáo Đỗ Minh T tái phạm và các bị cáo còn lại có nhân thân không tốt nên việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định là cần thiết, để các bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật, yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L là mẹ của bị cáo Trần L đã có đơn và trình bày sự việc bà và đại diện gia đình các bị cáo còn lại đã gặp bị hại để hòa giải và tự nguyện bồi thường tổn thất tinh thần số tiền là 20.000.000VNĐ (Mỗi gia đình bị cáo đã bồi thường 5.000.000VNĐ). Bị hại có văn bản xác nhận đã thỏa thuận, nhận tiền bồi thường thỏa đáng và không có yêu cầu dân sự nào khác nên cần công nhận quyền quyết định và tự định đoạt của các đương sự.

[14] Về xử lý vật chứng của vụ án là 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA màu xám bạc, biển kiểm soát 12A-061.20 là phương tiện phạm tội; tuy nhiên quá trình điều tra xác định chủ sở hữu không biết mục đích của việc bị cáo Trần L mượn xe để thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe ô tô nêu trên cho anh Phùng Văn C là phù hợp quy định pháp luật.

[15] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác của vụ án là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Đề nghị trong lời nói sau cùng của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc trong quá trình nghị án, quyết định mức hình phạt.

[17] Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường toàn bộ trước khi xét xử.

[18] Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 (01 tình tiết) Điều 51; các Điều 17, 38, 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Áp dụng riêng đối với bị cáo Đỗ Minh T).

Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự .

Căn cứ vào Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đỗ Minh T, Trần L, Lê Tiến Q và Vi Trung A phạm “ Tội bắt người trái pháp luật”.

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Đỗ Minh T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/3/2018.

- Xử phạt bị cáo Trần L 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/6/2018.

- Xử phạt bị cáo Lê Tiến Q 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/3/2018.

- Xử phạt bị cáo Vi Trung A 07 (bảy) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 02/6/2018.

3. Trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự: Các bị cáo Đỗ Minh T, Vi Trung A, Trần L và Lê Tiến Q có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại sức khỏe bị xâm phạm với số tiền 20.000.000VNĐ (hai mươi triệu đồng) cho bị hại anh Nguyễn Việt H; xác nhận các đương sự đã thi hành đủ.

4. Án phí: Buộc các bị cáo Đỗ Minh T, Trần L, Lê Tiến Q, Vi Trung A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 VNĐ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm; có mặt các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vắng mặt bị hại. Tòa báo cho những người có mặt được biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSNDTP Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- Công an TP Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- CCTHADS TP Lạng Sơn, T.Lạng Sơn;
- Bị cáo:.....;
- Bị hại:
- Người có QLNVLQ.....;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Mạnh Cường